

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày: 11-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;
- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐST-DS ngày 02/3/2023 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 15/2023/QĐ-TĐNTHTT ngày 11/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ 18, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đoàn Thị Huyền T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 467/7, đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 29/7/2022) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Đường DE7, KDC ấp 5, phường C, thị xã B, tỉnh B (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trịnh Đình L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 8, phường C, thị xã B, tỉnh B.

2. Ông Lê Hữu Y, sinh năm 1975 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1975 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường ĐK 5A, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B.

2. Nguyễn Thị B, sinh năm 1988 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh B.

3. Ông Lê Duy Q, sinh năm 1993 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B.

4. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1982 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường DB8, Mỹ Phước 2, phường M, thị xã B, tỉnh B.

5. Ông Vũ Văn Q1, sinh năm 1965 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Căn số 29, đường NE4, phường C, thị xã B, tỉnh B.

6. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1983 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường NB6, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Đoàn Thị Huyền Trang) trình bày:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 01/6/2022, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Xuất phát từ việc thuê ki-ốt gần nhau để buôn bán tại khu vực chợ đường DB8 Mỹ Phước 2, nên bà Lê Thị H có quen biết bà Trịnh Thị H1. Bà H với bà H1 có mối quan hệ rất thân thiết với nhau.

Vào ngày 12/9/2021, bà H1 có trao đổi với bà H rằng đang cần tiền gấp để xoay xở công việc làm ăn, và hỏi vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 12/9/2021 đến ngày 12/12/2021. Bà H1 tự nói là sẽ trả lãi cho bà H với mức lãi là 3%/tháng. Vì tin tưởng bà H1 là chỗ chị em quen biết lâu năm nên bà H đã đồng ý cho bà H1 vay số tiền là 200.000.000 đồng và không yêu cầu bà H1 viết giấy nợ.

Việc bà H1 vay của bà H số tiền là 200.000.000 đồng và tự nói trả lãi 3%/tháng cũng như việc giao nhận tiền giữa bà H với bà H1 có sự chứng kiến của ông Nguyễn Thành C (là người thuê ki-ốt bán Hàng tại Chợ đường DB8 Mỹ Phước 2, vị trí ki-ốt của ông C nằm gần sát ki-ốt của vợ chồng bà H với ki-ốt của bà Trịnh Thị H1), cụ thể: Vào tháng 9/2021, ông Nguyễn Thành C có chứng kiến vợ chồng bà H mang một bọc tiền màu xanh qua cho bà Trịnh Thị H1 vay, và có đứng cạnh nghe thấy bà H1 nói với vợ chồng bà H “*bác cho em mượn tạm*

mấy tháng, em gửi tiền café cho bác 3%/tháng”, thể hiện tại “Giấy xác nhận” của ông Nguyễn Thành C.

Sau khi vay của bà H số tiền là 200.000.000 đồng, bà H1 trả cho bà H tiền lãi là 3%/tháng tương ứng với số tiền là 6.000.000 đồng/tháng trong vòng 03 tháng, trong đó tiền lãi tháng 10/2021 bà H1 trả trực tiếp cho bà H bằng tiền mặt, tiền lãi tháng 11 và 12/2021 con trai bà H1 là ông Trịnh Đình L trả trực tiếp cho bà H bằng tiền mặt.

Đến giữa tháng 11/2021, do gia đình bà H có việc cần sử dụng số tiền lớn, và có nhắc nhở bà H1 là chuẩn bị đến hạn trả nợ nên cố gắng sắp xếp trả hết số tiền đã vay cho bà H đúng hạn. Bà H1 đồng ý và cam kết đến tháng 12 sẽ trả đủ số nợ gốc cho bà H là 200.000.000 đồng.

Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ vào ngày 12/12/2021 thì bà H1 nói chưa có tiền và hẹn bà H khi nào bán được sẽ trả, đồng thời bà H1 còn nhờ bà H nếu có quen biết ai muốn mua nhà thì giới thiệu giúp cho bà H1.

Khoảng cuối tháng 02, đầu tháng 3/2022, tôi và chồng là ông Lê Hữu Ý có giới thiệu cho một vài người bạn là bà Nguyễn Thị C1 và ông Vũ Văn Q1 biết việc bà H1 muốn bán nhà. Những người này đều đến nhà gặp trực tiếp bà H1 và được bà H1 trao đổi về giá bán nhà, lý do bán nhà cũng như số tiền bà H1 đã vay mượn của tôi, cụ thể:

- Khi ông Vũ Văn Q1 đến xem nhà, bà H1 trao đổi với ông Q1: *“Em thu về 3.100.000.000 đồng”, “Em nói thật nhà này em cầm Ngân Hàng và nợ ở ngoài một ít, em bán đi trả nợ. Em nợ vợ chồng anh Ý 200.000.000 đồng, em bán được nhà em trả nợ cho anh chị ấy luôn”,* thể hiện tại Giấy xác nhận của ông Vũ Văn Q1.

- Bà H1 trao đổi với bà Nguyễn Thị C1: *“nói thật với em chị có nợ tiền Ngân hàng với ít ở ngoài nên bán đi trả hết cho thanh toán nợ nần, chị có nợ của vợ chồng bác Y H 200.000.000 đồng, bác ấy có công việc nên bác ấy đang đòi”, “chị thu về 3.000.000.000 đồng”,* thể hiện tại Giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị C1.

Như vậy, bà H1 đã thừa nhận đã vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến khoảng giữa tháng 4/2022, bà H gọi điện thoại cho bà H1 nhiều lần, nhưng bà H1 không nghe máy. Bà H tìm đến địa chỉ nhà bà H1 cũng không gặp được bà H1.

Sau rất nhiều lần tôi cố gắng liên lạc thì bà H1 có nghe máy. Bà H hỏi bao giờ trả tiền thì bà H1 trả lời *“khi nào con Tuyết trả tôi trả”,* bà H nói *“tôi có biết Tuyết là ai”* thì bà H1 tắt máy. Trên thực tế, bà H không biết Tuyết là ai, và giữa bà H với bà Tuyết không có bất kỳ mối quan hệ nào. Sau đó bà H tiếp tục gọi điện cho bà H1, nhưng không thể liên lạc với bà H1 được nữa. Do con trai bà H1 là ông Trần Đình L biết việc vay mượn giữa bà H1 với bà H, nên bà H liên lạc với ông L để nhờ dẫn về gặp bà H1, nhưng ông L cũng không nhận điện thoại của bà H.

Do được biết ông L làm bên môi giới bất động sản, nên bà H có nhờ cháu (tên Lê Duy Q) cùng làm nghề môi giới bất động sản tìm cách liên hệ với ông L, để bà H nhờ ông L dẫn đến gặp bà H1.

Sau khi kết bạn và trò chuyện với ông L qua mạng xã hội Zalo, ông L đã hẹn cháu Q khoảng 15 giờ ngày 26/4/2022 gặp nhau ở khu vực Đập 26/3 (phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương). Cháu Q đã thông báo cho bà H biết địa điểm gặp nhau của hai người, và hẹn bà H cùng đến gặp ông L để nói chuyện.

Khoảng 15 giờ ngày 26/4/2022, bà H cùng chồng là Lê Hữu Y, con trai là Lê Hữu H3 và vợ chồng em gái là Lê Thị H4, Nguyễn Văn H2 đã đi cùng cháu Q đến gặp ông L để nói chuyện, và nhờ ông L dẫn đi gặp bà H1.

Chúng tôi ngồi uống nước ở quán tạp hóa Hồng Lâm tại đường 1/2 Khu dân cư Nam Thái Bình Dương, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tại đây, ông Trần Đình L xác nhận bà H1 đã vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng. Ông L đã đề nghị xin được trả nợ cho bà H thay bà H1 theo phương thức: Ông L trả trước cho bà H số tiền là 50.000.000 đồng vào ngày 26/4/2022, số tiền còn lại là 150.000.000 đồng ông L cam kết sẽ trả đủ cho bà H chậm nhất là vào ngày 26/9/2023, thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 26/4/2022. Toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện ngày 26/4/2022 giữa gia đình bà H với ông L thì bà H đã ghi âm lại, thể hiện tại file ghi âm (USB).

Đồng thời, việc ông L xác nhận và đồng ý trả nợ thay cho bà H1 có rất nhiều người chứng kiến bao gồm: Cháu Lê Duy Q, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn H2, thể hiện tại Giấy xác nhận.

Tuy nhiên, hiện nay bà Trịnh Thị H1 lại phủ nhận việc vay của bà H số tiền là 200.000.000 đồng và từ chối trả nợ cho bà. Con bà H1 là ông Trần Đình L cũng phủ nhận việc đồng ý trả nợ cho bà H thay cho mẹ mình. Hơn nữa, ông L còn làm đơn tố cáo gia đình bà H tại Công an phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, cho rằng chúng tôi ép buộc ông L trả 50.000.000 đồng và ép ký giấy nợ.

Trong quá trình Cơ quan Công an phường Mỹ Phước tiếp nhận, xử lý tin tố giác của anh Trần Đình L, gia đình chúng tôi đã được mời lên làm việc và chúng tôi đã giao nộp bản chính Giấy vay tiền ngày 26/4/2022 do anh L ký ghi họ tên và lăn tay, thể hiện tại B bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 16/5/2022 của Công an phường Mỹ Phước.

Tại buổi làm việc ngày 25/5/2022, Cơ quan Công an phường Mỹ Phước xác định gia đình chúng tôi không có Hành vi cưỡng đoạt tài sản của ông Trần Đình L với số tiền là 50.000.000 đồng, cũng như không ép buộc anh Trần Đình L ký giấy nợ. Gia đình chúng tôi đã trả lại cho ông L số tiền 50.000.000 đồng tại Công an phường Mỹ Phước.

Đồng thời, tại buổi làm việc ngày 25/5/2022, bà Trịnh Thị H1 đã thừa nhận rằng có nhận của bà số tiền 200.000.000 đồng, sau đó giao cho bà Tuyết.

Trên thực tế, bà H1 là người vay của bà H số tiền là 200.000.000 đồng, ngoài ra bà không biết bà Tuyết là ai, và giữa bà với bà Tuyết không có bất kỳ mối quan hệ nào.

Do bà Trịnh Thị H1 có hành vi không trả cho bà H số tiền đã vay là 200.000.000 đồng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị H1 trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

- Yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị H1 trả lại cho nguyên đơn số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày 12/5/2022.

** Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị Thu Trang trình bày:*

Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày. Bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng trong quá trình làm việc tại Công an phường Mỹ Phước. Việc bị đơn dùng số tiền trên vào việc gì, đưa lại cho ai là việc của bị đơn. Nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; đồng thời, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2023).

2. Bị đơn bà Trịnh Thị H1:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Bị đơn cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và không nộp (gửi) tài liệu, chứng cứ gì đến Tòa án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Ông Trịnh Đình L:

Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Ông L cũng không có văn bản trình bày ý kiến, và không nộp (gửi) tài liệu, chứng cứ gì đến Tòa án.

3.2. Ông Lê Hữu Y trình bày:

Ông là chồng của nguyên đơn bà Lê Thị H. Ông thống nhất như lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông cũng xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị C1 trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2022, bà đi chợ mua đồ ăn thì có gặp bà Lê Thị H bán thịt ở Chợ đường DB8 Mỹ Phước 2. Qua cuộc trò chuyện, bà Lê Thị H đã

giới thiệu cho bà có người đang muốn bán nhà ở đường DE7. Do có nhu cầu mua nhà nên bà đã cùng 02 người bạn đến chỗ người bán để trực tiếp xem nhà.

Khi đến nơi, bà có nói với chủ nhà *“em nghe nói chị bán nhà, chị cho em vào xem nhà”*.

Sau khi trò chuyện, bà được biết chủ nhà tên là H1. Chúng tôi được bà H1 dẫn lên lầu xem, bà hỏi *“Chị H1 ơi nhà làm đẹp vậy sao không ở lại bán tiếc thế”*, bà H1 trả lời *“nói thật với em chị có nợ tiền Ngân hàng với ít ở ngoài nên bán đi trả hết cho thanh toán nợ nần, chị có nợ của vợ chồng bác Y H 200.000.000 đồng, bác ấy có công việc nên bác ấy đang đòi”*.

Bà tiếp tục hỏi *“nhà này chị bán bao nhiêu”*, bà H1 trả lời *“chị thu về 3.000.000.000 đồng”*, bà hỏi tiếp *“Chị có bớt không, 3.000.000.000 đồng cao quá”* thì bà H1 trả lời *“em muốn bao nhiêu”*, nên bà trả lời rằng *“giờ trả chị 2.850.000.000 đồng được không”* thì bà H1 cười không đồng ý. Bà nói *“thôi em về, em trả giá vậy có được thì alo em nhé”*.

Sau khi chúng tôi ra về. Bà chạy qua chỗ bà Lê Thị H bán thịt và 02 chị em nói chuyện, bà nói *“bà ấy kêu 3.000.000.000 đồng mà em trả 2.850.000.000 đồng chị H1 chưa đồng ý chị ạ”*. Lúc này, bà chợt nhớ ra bà H1 nói có nợ vợ chồng bà H và ông Y 200.000.000 đồng, nên bà mới hỏi *“chị H ơi em nghe chị H1 nói chị ấy nợ nhà chị 200.000.000 đồng hả”*, bà H cười nói *“đúng rồi, H1 nói với em hả”*, bà nói *“Sao chị cho vay nhiều thế”*, bà H trả lời *“hồi mấy tháng trước chị H1 có công chuyện gì đó rồi hỏi mượn tạm vài tháng, đến lúc cần hỏi H1 nói chưa có và bảo bán nhà rồi trả nên nhờ chị chỉ cho có ai mua giới thiệu”*.

Bà xin cam đoan những nội dung xác nhận nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai bà sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bà có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

4.2. Ông Nguyễn Thành C trình bày:

Ông là người thuê ki-ốt bán hàng tại Chợ đường DB8 Mỹ Phước 2.

Vị trí ki-ốt của tôi nằm gần sát ki-ốt của vợ chồng ông Lê Hữu Y, bà Lê Thị H bán thịt heo và ki-ốt của bà Trịnh Thị H1 bán rau.

Vào khoảng tháng 9/2021, ông có chứng kiến vợ chồng ông Lê Hữu Y, bà Lê Thị H mang một bọc tiền màu xanh qua cho bà Trịnh Thị H1 vay. Ông đứng cạnh có nghe bà H1 nói với vợ chồng ông Y, bà H *“bác cho em mượn tạm mấy tháng, em gửi tiền café cho bác 3%/tháng”*.

Ông xin cam đoan những nội dung xác nhận nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai ông sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

4.3. Ông Vũ Văn Q1 trình bày:

Vào khoảng cuối tháng 02, đầu tháng 3/2022, tôi đến nhà chơi và được ông Lê Hữu Y giới thiệu cho biết có người đang muốn bán nhà ở đường DE7.

Do có nhu cầu mua nhà nên ông đã đề nghị ông Lê Hữu Y dẫn đến chỗ người bán để trực tiếp xem nhà.

Khi ông cùng ông Lê Hữu Y đến nhà, chủ nhà là bà Trịnh Thị H1 ra mở cửa cho chúng tôi vào. Qua vài câu, ông hỏi bà Trịnh Thị H1 *“em bán nhà hả?”*, bà Trịnh Thị H1 trả lời *“Vâng”*. Ông tiếp tục hỏi *“giá bao nhiêu”*, bà Trịnh Thị H1 trả lời *“Em thu về 3.100.000.000 đồng”*.

Sau đó ông nói bà Trịnh Thị H1 dẫn ông đi xem nhà. Khi bà Trịnh Thị H1 dẫn ông lên lầu coi nhà thì ông Lê Hữu Y ở dưới nhà trò chuyện với chồng bà Trịnh Thị H1, nội dung cuộc trò chuyện giữa anh Lê Hữu Y với chồng bà Trịnh Thị H1 thì ông không rõ.

Sau khi xem trên lầu xong, bà Trịnh Thị H1 dẫn ông xuống xem bếp và phía sau nhà. Chúng tôi vừa xem vừa trò chuyện, tôi hỏi bà Trịnh Thị H1 *“Nhà to đẹp thế này sao không ở mà lại bán đi đâu”*, bà Trịnh Thị H1 trả lời *“Em nói thật nhà này em cầm Ngân hàng và nợ ở ngoài một ít, em bán đi trả nợ. Em nợ vợ chồng anh Y 200.000.000 đồng, em bán được nhà em trả nợ cho anh chị ấy luôn”*.

Sau khi xem nhà xong, ông ra ngoài mua vài món đồ chồng bà Trịnh Thị H1 bán và chuẩn bị ra về. Lúc này ông đi ở phía trước còn ông Lê Hữu Y đang đứng lại phía sau nói chuyện về vấn đề tiền bạc gì đó với bà Trịnh Thị H1, ông có nghe được bà Trịnh Thị H1 nói *“Cứ yên tâm, tôi bán được nhà là tôi trả liền”*. Sau đó ông cùng anh Lê Hữu Y ra về.

Ông xin cam đoan những nội dung xác nhận nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai ông sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

4.4. Bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 26/4/2022, bà có đi ngang Đập 26/3 (phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương) thì thấy gia đình bà Lê Thị H đang ngồi uống nước tại quán tạp hóa Hồng Lâm tại đường 1/2 Khu dân cư Nam Thái Bình Dương, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Lúc này bà H gọi rủ bà vào ngồi chơi, bà ngồi ở đây thì nghe được cuộc trò chuyện giữa gia đình bà H và ông L với nội dung cụ thể như sau: Mẹ anh Trần Đình L là bà Trịnh Thị H1 vay tiền của vợ chồng bà H, ông Ý rồi bỏ trốn nên gia đình bà H gặp ông L nhờ dẫn về nhà gặp bà H1. Ông L có nói đợi hết giờ làm việc sẽ dẫn gia đình bà H về gặp bà H1. Sau khi hai bên ngồi nói chuyện với nhau một lúc thì ông L đưa ra cách giải quyết là ông L sẽ trả tiền cho bà H số tiền bà H1 đã vay là 200.000.000 đồng. Ông L thỏa thuận sẽ trả trước cho bà H 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 150.000.000 đồng ông L hẹn trong vòng 17 tháng tức một năm rưỡi sẽ trả đủ hoặc cũng có thể sẽ trả sớm hơn. Ông L nói gia đình bà H làm giấy nợ để ông L ký. Sau đó, bà có việc nên đã rời đi.

Bà xin cam đoan những nội dung xác nhận nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai bà sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

4.5. Ông Lê Duy Q trình bày:

Khoảng giữa tháng 4/2022, ông Lê Hữu Y có gọi ông nói bị bà Trịnh Thị H1 giật nợ số tiền 200.000.000 đồng, và nhờ ông tìm địa chỉ nơi ở của bà H1.

Vì liên lạc qua số điện thoại không được, nên ông kết bạn qua mạng xã hội Zalo với con trai bà H1 (là ông Trần Đình L) và trao đổi về vấn đề mua bán nhà đất.

Ngày 26/4/2022, ông L hẹn ông đi xem nhà ở Dự án Nam Thái Bình Dương, đến nơi lúc 14 giờ, ông báo cho ông Ý rằng L đang ở vị trí Dự án, gia đình ông Ý đến hỏi về số tiền bà H1 vay và hỏi nơi ở của bà H1, nhưng L không chỉ, ngồi được một lúc L đưa ra đề nghị với gia đình ông Ý là: L xin trả thay tiền cho mẹ là bà H1, trả trước 50.000.000 đồng và còn 150.000.000 đồng xin trả trong thời hạn 17 tháng, L kêu bên ông Ý làm giấy nợ, L gửi hình ảnh căn cước công dân qua Zalo cho Huỳnh (là con trai ông Ý) để đi đánh máy giấy nợ, khi có giấy nợ L tự viết giấy nợ và lấy 50.000.000 đồng trong túi xách ra đếm rồi đưa cho ông Ý và hai bên lẫn tay, giữa hai bên không xảy ra tranh cãi, đánh nhau. Ông có làm chứng việc giao nhận số tiền 50.000.000 đồng. Đến gần 18 giờ trời tối nên ông chạy về nhà tại Tân Định.

Ông xin cam đoan những nội dung xác nhận nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai ông sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

4.6. Ông Nguyễn Văn H2 trình bày:

Ngày 26/4/2022, ông được biết vợ chồng ông Lê Hữu Y, bà Lê Thị H gặp được con trai bà Trịnh Thị H1 (người nợ tiền ông Y, bà H) là Trần Đình L tại khu dân cư Happy Home, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nên ông chạy lên chỗ ông Y để xem sự việc.

Khi lên đến nơi, ông thấy vợ chồng ông Y, bà H, cháu Lê Hữu H3 và ông Lê Duy Q đang ngồi tại quán tạp hóa Hồng Lâm nói chuyện với ông L. Ông vào ngồi cùng mọi người thì nghe được hai bên nói chuyện với nội dung cụ thể như sau: Ông Ý nhờ L dẫn về nhà gặp bà H1 hoặc L chở bà H1 xuống gặp vợ chồng anh Y, chị H để hai bên giải quyết việc vay mượn, nhưng L không đồng ý.

Sau khi hai bên ngồi nói chuyện với nhau một lúc thì ông L tự đề nghị sẽ thay bà H1 trả cho bà H số tiền bà H1 đã vay là 200.000.000 đồng, ông L thỏa thuận sẽ trả trước cho bà H 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 150.000.000 đồng ông L hẹn sẽ trả đủ vào ngày 26/9/2023, L nói bên ông Y làm giấy nợ và gửi hình ảnh Căn cước công dân qua zalo cho Huỳnh đi đánh máy giấy nợ. Khi đánh máy xong giấy nợ, L tự đọc, viết và ký tên, lẫn tay và lấy 50.000.000 đồng trong cặp xách ra tự đếm rồi đưa cho ông Y. Sau đó, L dẫn chúng tôi về nhà ở gần KCN Bàu Bàng để gặp bà H1.

Việc ông L trả thay bà H1 số tiền 50.000.000 đồng và làm giấy nợ đều do L tự đề nghị với vợ chồng ông Y, bà H và tự nguyện thực hiện, không ai ép buộc.

Ông xin cam đoan những nội dung xác nhận nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai ông sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trịnh Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đình L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Ông Lê Hữu Y đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, đề nghị HĐXX giải quyết vắng mặt đối với các đương sự này.

- Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2023).

Đề nghị HĐXX xem xét khấu trừ số tiền lãi thực tế mà nguyên đơn đã nhận của bị đơn vào tiền nợ gốc, vì thỏa thuận trả lãi thực tế 3%/tháng giữa các bên là cao hơn mức lãi suất tối đa theo quy định pháp luật là 1,666%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Trịnh Thị H1. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường C, thị xã B, tỉnh B. Như vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa của bị đơn bà Trịnh Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Y, ông Trịnh Đình L và những người làm chứng ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Duy Q, ông Nguyễn Thành C, ông Vũ Văn Q1 và bà Nguyễn Thị C1:

Xét ông Lê Hữu Y, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị B, ông Lê Duy Q, ông Nguyễn Thành C, ông Vũ Văn Q1 và bà Nguyễn Thị C1 đã có ý kiến trình bày đầy đủ và có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Việc vắng mặt của các ông bà cũng không ảnh hưởng gì đến quá trình xét xử. Ngoài ra, bà Trịnh Thị H1 và ông Trịnh Đình L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các ông bà nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn cho rằng nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 12/9/2021, thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 12/9/2021 đến ngày 12/12/2021, mức lãi suất là 3%/tháng. Việc vay mượn không viết giấy nợ mà chỉ được giao kết bằng lời nói. Việc trao đổi và giao nhận tiền giữa các bên có sự chứng kiến của ông Nguyễn Thành C. Bị đơn đã trả đủ tiền lãi mỗi tháng là 6.000.000 đồng trong 03 tháng (trong đó tiền lãi tháng 10/2021 bà H1 trả trực tiếp cho bà H bằng tiền mặt, còn tiền lãi tháng 11 và 12/2021 thì con trai bà H1 là ông Trịnh Đình L đã trả trực tiếp cho bà H bằng tiền mặt). Tổng cộng, nguyên đơn đã nhận đủ số tiền lãi là 18.000.000 đồng từ phía bị đơn. Nay Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; đồng thời, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2023).

HĐXX thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của những người làm chứng và lời trình bày của phía bà Trịnh Thị H1, ông Trịnh Đình L (trình bày tại các B bản làm việc tại Công an phường Mỹ Phước), có căn cứ xác định giữa bà Lê Thị H và bà Trịnh Thị H1 có giao kết hợp đồng vay tài sản, được giao kết bằng lời nói, với số tiền vay thực tế là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, tính từ ngày 12/9/2021 đến ngày 12/12/2021. Nay đã kết thúc thời hạn vay nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc cho phía nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, cần xem xét về nội dung thỏa thuận lãi suất và số tiền giao nhận lãi thực tế của các bên, cụ thể như sau:

Lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật tương ứng từ ngày 12/9/2021 đến ngày 12/10/2021 là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm$ (tương ứng $1,666\%/tháng$) = 3.333.333 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận vượt quá quy định pháp luật là: $6.000.000 \text{ đồng} - 3.333.333 \text{ đồng} = 2.666.667 \text{ đồng}$. Số tiền 2.666.667 đồng này được khấu trừ vào số tiền nợ gốc, nên bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: $200.000.000 \text{ đồng} - 2.666.667 \text{ đồng} = 197.333.333 \text{ đồng}$.

Lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật tương ứng từ ngày 12/10/2021 đến ngày 12/11/2021 là: $197.333.333 \text{ đồng} \times 20\%/năm$ (tương ứng $1,666\%/tháng$) = 3.288.757 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận vượt quá quy định pháp luật là: $6.000.000 \text{ đồng} - 3.288.757 \text{ đồng} = 2.711.243 \text{ đồng}$. Số tiền 2.711.243 đồng này được khấu trừ vào số tiền nợ gốc, nên bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: $197.333.333 \text{ đồng} - 2.711.243 \text{ đồng} = 194.622.090 \text{ đồng}$.

Lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật tương ứng từ ngày 12/11/2021 đến ngày 12/12/2021 là: $194.622.090 \text{ đồng} \times 20\%/năm$ (tương ứng $1,666\%/tháng$) = 3.243.571 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận vượt quá quy định pháp luật là: $6.000.000 \text{ đồng} - 3.243.571 \text{ đồng} = 2.756.429 \text{ đồng}$. Số tiền 2.756.429 đồng này được khấu trừ vào số tiền nợ gốc, nên bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: $194.622.090 \text{ đồng} - 2.756.429 \text{ đồng} = 191.865.661 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 12/12/2021 là 191.856.661 đồng. Tuy nhiên, do nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi với mức 10%/năm tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/4/2023) nên được HĐXX chấp nhận, cụ thể như sau: 200.000.000 đồng x 10%/năm (tương đương 0,8333%/tháng) x 01 năm 02 tháng 29 ngày = 24.934.446 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi mà nguyên đơn được HĐXX chấp nhận là: 191.856.661 đồng + 24.934.446 đồng = 216.791.107 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần như đã phân tích. Phần nợ gốc không được HĐXX không được chấp nhận là: 200.000.000 đồng – 191.856.661 đồng = 8.143.339 đồng.

[5] Xét bà Lê Thị H có nhận từ ông Trịnh Đình L (con trai bà Trịnh Thị H1) số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó phía ông Trịnh Đình L đã có đơn đề nghị cơ quan Công an xem xét việc giao nhận tiền này, với lý do ông L không tự nguyện và bị gia đình bà Lê Thị H gây áp L, ép buộc ông L phải ký giấy nợ. Qua làm việc tại Công an phường Mỹ Phước thì phía bà Lê Thị H đã tự nguyện trả lại cho ông Trịnh Đình L số tiền 50.000.000 đồng đã nhận. Bà H cũng không tranh chấp gì với ông L trong vụ án này, nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu một phần án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được HĐXX chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H với bị đơn bà Trịnh Thị H1 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền nợ gốc là 8.143.339 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn bà Trịnh Thị H1 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như sau:

Buộc bị đơn bà Trịnh Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền 216.791.107 đồng (trong đó: 191.856.661 đồng là tiền nợ gốc và 24.934.446 đồng là tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị H nộp số tiền 407.166 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.207.500 đồng theo B lai tạm ứng số 0005421 ngày 21/6/2022 tại Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hoàn lại cho nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền 4.800.334 đồng.

- Bị đơn bà Trịnh Thị H1 nộp số tiền 10.839.555 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành